

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 7 năm 2020

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn

Bà Hoàng Thị Hải Yến

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà ông Đặng Đức Hùng - kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** anh Dương Văn T, sinh năm: 1985(có mặt)

Địa chỉ: Thôn VS, xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VS, xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 3 năm 2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thành phố Bắc Giang ngày 10/04/2010 và tổ chức lễ cưới tại gia đình hai bên. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận, năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất hòa do bất đồng tính cách, lối sống, quan điểm sống khác nhau, do chị H là người H Tĩnh và anh ở Bắc Giang nên có sự khác biệt văn hóa vùng miền trong cách xử sự của hai bên. Những năm gần đây mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng gay gắt, việc ai người đó làm, không tìm được tiếng nói chung, không chung kinh

tế, có những lúc vợ chồng nửa năm không nói chuyện với nhau. Đến hiện tại thì vợ chồng sống trong cùng nH nhưng vẫn duy trì tình trạng trên, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ngoài ra, cách đây một vài năm do buồn chán tình cảm vợ chồng nên anh có qua lại với người phụ nữ khác đồng thời do ham chơi nên anh nợ nần nhiều người, từ đó chị H cũng mất niềm tin với anh, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Gia đình có can thiệp, hòa giải nhưng không được. Do không còn tình cảm, việc duy trì tình trạng hôn nhân không hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Về con chung : Vợ chồng anh có hai con chung là Dương Hiền Nh, sinh ngày 26/7/2011 và Dương Anh Ng, sinh ngày 04/10/2012. Hiện các con đều khỏe mạnh và đang học trường tiểu học xã TT. Nay vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho anh được nuôi cháu Ng, chị H nuôi cháu Nh. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo tham gia phiên tòa, tuy nhiên đến nay chị H không có bản tự khai, không đến Tòa án làm việc.

Xác minh tại chính quyền địa phương - đại diện thôn VS, đại diện UBND xã TT cung cấp: chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu và hiện cư trú tại Thôn VS, xã TT, thành phố Bắc Giang. Hiện chị H đi làm công nhân, với thời gian làm theo ca, đại diện thôn, xã đã gửi các giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H theo yêu cầu. Về quan hệ hôn nhân của anh T, chị H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại xã TT. Vợ chồng anh T có xảy ra mâu thuẫn trong thời gian khoảng một năm nay, nguyên nhân do anh T ham chơi, không chăm lo gia đình, làm thất thoát về kinh tế, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn do ghen tuông về tình cảm. Nay anh T gửi đơn xin ly hôn, gia đình và chính quyền địa phương có hòa giải, khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh T và chị H có hai con chung là Dương Hiền Nh và Dương Anh Ng. Đề nghị Tòa án giao các cháu cho bố, mẹ nuôi và hỏi ý kiến, nguyện vọng của các cháu.

Cháu Dương Hiền Nh trình bày: Cháu hiện khỏe mạnh và đang học lớp 3B trường tiểu học xã TT. Việc bố mẹ cãi nhau, đánh nhau cháu có biết. Nay bố mẹ ly hôn, cháu xin ở cùng mẹ.

Cháu Dương Anh Ng trình bày: Cháu hiện khỏe mạnh và đang học lớp 2C trường tiểu học xã TT. Cháu có biết bố, mẹ thường xuyên cãi nhau. Bố, mẹ ly hôn cháu xin ở cùng bố.

Tại phiên tòa, anh T có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến. Chị H vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, không có vi phạm, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành, không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ, tại phiên tòa ngày 30/6/2020 và phiên tòa ngày 16/7/2020 chị H đều vắng mặt không có lý do, nên HĐXX căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H là phù hợp.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng điều 51,56,81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T và chị H ly hôn. Về con chung, đề nghị HĐXX giao cho anh Dương Văn T nuôi cháu Dương Anh Ng, sinh ngày 04/10/2012 và giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi cháu Dương Hiền Nh, sinh ngày 26/7/2011. Việc cấp dưỡng, nuôi con chung không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, anh T phải chịu. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn Dương Văn T cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện. Anh T đã thực hiện việc thông báo khởi kiện và gửi tài liệu cho bị đơn theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, các đương sự cư trú tại tHnh phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố Bắc Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã giải quyết vụ kiện theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật, trong thời hạn giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, được thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, có mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhưng không đến tòa án làm việc. Do không làm việc cũng như không tổng đạt trực tiếp cho chị H được, nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, tại UBND xã TT và Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định. Do chị H vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do, HĐXX quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[4]. Về nội dung:

Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn, xác minh tại UBND xã TT, thành phố Bắc Giang cũng như trích lục kết hôn do anh T giao nộp cho thấy: Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, nay là xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 14/6/2020, do đó xác định quan hệ hôn nhân của anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Lời khai của anh T thể hiện trong quá trình anh và chị H chung sống, từ năm 2012 vợ chồng đã mâu thuẫn, những năm gần đây thường xuyên cãi vã, bất đồng do tính cách, lối sống, văn hóa vùng miền khác biệt và nguyên nhân do anh T ham chơi, nợ nần, có qua lại tình cảm với người phụ nữ khác. Đại diện chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn trên của vợ chồng anh T, chị H, đồng thời khi anh T, chị H xảy ra mâu thuẫn, gia đình và địa phương đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự để hòa giải song chị H không đến Tòa án làm việc, nên không thể hòa giải được. Nay anh T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, HĐXX xét thấy tình trạng mâu thuẫn của anh T, chị H đã trầm trọng, kéo dài, một trong hai bên không muốn tiếp tục chung sống nên việc duy trì hôn nhân không đạt được mục đích, nên căn cứ điều 51, điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung Dương Hiền Nh, sinh ngày 26/7/2011 và Dương Anh Ng, sinh ngày 04/10/2012. Hiện các con đều khỏe mạnh đang học lớp hai và lớp ba trường tiểu học xã TT. Nay xét điều kiện của anh T, chị H đều có công việc, thu nhập ổn định, nên giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp, xét ý kiến của anh T, cháu Nh, cháu Ng cũng như đề xuất của kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX quyết định giao cho anh T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng, giao cho chị H quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh. Việc cấp dưỡng nuôi con, do mỗi người nuôi con một con, nên các bên không phải đóng góp.

Sau khi ly hôn, chị H, anh T đều có quyền thăm con không ai được cản trở thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Do không yêu cầu nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị H ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Dương Văn T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Dương Anh Ng, sinh ngày 04/10/2012. Giao cho chị Nguyễn Thị H quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Dương Hiền Nh, sinh ngày 26/7/2011.

Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh T và chị H đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Về án phí: anh Dương Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0001179 ngày 27/3/2010 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang .

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Bắc Giang;
- VKSND- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Tiến
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hằng**